

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/DS-PT

Ngày 04/5/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tăng

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2021/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/TB-TA ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Lê Hồng T - sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 06A/4 ấp Tân Thuận, xã Phong Hòa, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Hồng T là:* Cao Minh T1 - Sinh năm 1970

Địa chỉ: 273 khóm S, Phường TQĐ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019).

**2. Bị đơn:** Nguyễn Đình T2 - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 321C Khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Đình T2 là:* Trần Hoàng S1 – sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 99C, khóm BT 2, Thị trấn L1, huyện L1, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2022).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Lê Thanh H - Sinh năm 1963

Địa chỉ: 60K Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi làm việc: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S.

Địa chỉ liên hệ: 18 Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N.

Địa chỉ: 321C Khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N là: Nguyễn Đình K - Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: 321D Khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N là: Trần Hoàng S1 – sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 99C, khóm BT2, Thị trấn L1, huyện L1, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2022).

- Người kháng cáo: Nguyễn Đình T2 .

(Anh T1 , anh S1 có mặt; anh Hồng vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Nguyên đơn Lê Hồng T có người đại diện theo ủy quyền anh Cao Minh T1 trình bày:** Trong quá trình làm ăn Nguyễn Đình T2 thiếu vốn nên ngày 21-10-2010 Nguyễn Đình T2 tự tay ký tên, viết họ tên (Còn các chữ viết, chữ số viết tay khác là do Lê Hồng T viết) vào giấy nhận nợ để vay của Lê Hồng T vốn 395.000.000 đồng, lãi và thời hạn không có thỏa thuận, nhưng có thỏa thuận bằng lời nói lãi hàng tháng là 02%, thời hạn khi nào Lê Hồng T cần thì Nguyễn Đình T2 sẽ trả, do Lê Hồng T là người trực tiếp giao một lần đủ 395.000.000 đồng cho người trực tiếp nhận là Nguyễn Đình T2 . Lê Hồng T cần vốn Nguyễn Đình T2 không trả mà đến sau tháng 02 năm 2017 thì Nguyễn Đình T2 giao cho Lê Hồng T giữ, không có lập biên bản hay hợp đồng hoặc biên bản giao nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để làm tin, nhưng Lê Hồng T không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 232, tờ bản đồ 35 người sử dụng đất đổi tên từ ông Nguyễn Đình T2 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N và cũng không biết số thửa đất thay đổi lại là 370, nên Lê Hồng T không có yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thế chấp và Lê Hồng T cũng không có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa thửa 370, diện tích 90 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, địa chỉ thửa đất tại: Khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Còn các khoản nợ 256.000.000 đồng và 200.000.000 đồng là có trước giấy nhận nợ ngày 21-10-2010, Nguyễn Đình T2 đã trực tiếp trả cho Lê Hồng T xong, Nguyễn Đình T2 không có nhờ Lê Thanh H trả cho Lê Hồng T và 456.000.000 đồng không phải là số nợ trong Giấy nhận nợ ngày 21-10-2010. Lê Hồng T xác định 395.000.000 đồng là quan hệ giữa cá nhân Lê Hồng T và cá nhân Nguyễn

Đình T2 không liên quan gì đến Lê Thanh H và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển đô thị T2N . Do đó, Lê Hồng T yêu cầu Nguyễn Đình T2 trả cho Lê Hồng T vốn vay 395.000.000 đồng, lãi 716.963.183 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 1.111.963.183 đồng. Khi Nguyễn Đình T2 trả nợ xong thì Lê Hồng T tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn Đình T2 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 232, tờ bản đồ 35, diện tích 90 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, do Nguyễn Đình T2 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (số thửa đất thay đổi lại là 370 do đo đạc lập bản đồ địa chính, người sử dụng đất đổi tên từ ông Nguyễn Đình T2 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển đô thị T2N). Lê Hồng T không có yêu cầu gì đối với Lê Thanh H và cũng không có yêu cầu gì đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển đô thị T2N trong vụ án này.

**- Bị đơn Nguyễn Đình T2 có người đại diện theo ủy quyền anh Trần Hoàng S1 trình bày:**

Nguyễn Đình T2 thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên dưới dòng chữ “người nhận tiền” trong Giấy nhận nợ ngày 21-10-2010 là do Nguyễn Đình T2 viết và ký tên nhưng các nội dung còn lại trong Giấy nhận nợ này Nguyễn Đình T2 không viết, trước đó Nguyễn Đình T2 có viết họ tên và ký tên cho ông Lê Thanh H làm thủ tục vay Ngân hàng. Mặc khác Nguyễn Đình T2 có gửi cho Lê Thanh H trả cho Lê Hồng T 256.000.000 đồng (vào ngày 07-7-2010 được Lê Thanh H thừa nhận trong bì thư) và 200.000.000 đồng (tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 27-9-2012), đã trả cho Lê Hồng T tổng cộng là 456.000.000 đồng, còn trong biên bản hòa giải ngày 30-7-2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ông Nguyễn Đình K với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Đình T2 thống nhất với nội dung là sẽ trả cho Lê Hồng T số tiền 395.000.000 đồng và lãi suất là 02% tính từ ngày 21-10-2010 là bởi khi tham gia hòa giải này ông Nguyễn Đình K không biết rằng Nguyễn Đình T2 đã trả cho ông Lê Hồng T số tiền tổng cộng là 456.000.000 đồng. Như vậy Nguyễn Đình T2 không còn nợ Lê Hồng T bất kỳ khoản nợ nào. Tại phiên tòa ngày 11-11-2021 và tại phiên tòa hôm nay ngày 29-11-2021 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Đình T2 yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Lê Hồng T, ngoài ra không có yêu cầu và trình bày gì thêm.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh H vắng mặt, có văn bản trình bày:**

Lê Thanh H biết Giấy nhận nợ kể từ lúc Lê Hồng T có ủy quyền cho Lê Thanh H yêu cầu Nguyễn Đình T2 trả cho Lê Hồng T khoản nợ 395.000.000 đồng trong biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 30-7-2013 thì Nguyễn Đình K là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Đình T2 thống nhất với nội dung là Nguyễn Đình T2 sẽ trả cho Lê Hồng T số tiền trong Giấy nhận nợ là 395.000.000 đồng và lãi suất là 02%/tháng tính từ ngày 21-10-2010, nhưng chữ ký chữ viết họ tên và các chữ viết tay, chữ số khác trong Giấy nhận nợ ngày 21-10-2010 là do ai ký tên, ai viết Lê Thanh H không biết, vì trước khi Lê Thanh H được Lê Hồng T ủy

quyền để hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 30-7-2013 Lê Thanh H không biết Lê Hồng T cho Nguyễn Đình T2 vay cụ thể như thế nào, đồng thời Lê Thanh H cũng không biết ai là người giao và nhận vốn vay 395.000.000 đồng. Đối với việc Nguyễn Đình T2 có giao tài sản, giấy tờ, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để thế chấp cho Lê Hồng T hay không thì Lê Thanh H hoàn toàn không hay biết, Lê Thanh H xác định là Lê Thanh H không có tự ý giữ và cũng không có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Lê Hồng T giữ. Còn các khoản nợ 256.000.000 đồng và 200.000.000 đồng Nguyễn Đình T2 không có nhờ Lê Thanh H trả cho Lê Hồng T. Lê Thanh H xác định khoản nợ 395.000.000 đồng là quan hệ giữa cá nhân Lê Hồng T và cá nhân Nguyễn Đình T2 không có liên quan gì đến Lê Thanh H. Nên Lê Thanh H không có yêu cầu gì đối với Lê Hồng T và cũng không có yêu cầu gì đối với Nguyễn Đình T2 trong vụ án này.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N có người đại diện theo ủy quyền anh Trần Hoàng S1 trình bày:**

Giao dịch này là giữa cá nhân Lê Hồng T, Nguyễn Đình T2 và Lê Thanh H tự giải quyết; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N không có quyền và nghĩa vụ gì trong vụ án này. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N không có yêu cầu gì đối với Lê Hồng T, Nguyễn Đình T2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N yêu cầu Lê Thanh H trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2N các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 370, 371 mà Lê Thanh H đã tự ý giao cho Lê Hồng T.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2021/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử:

1. Buộc Nguyễn Đình T2 trả cho Lê Hồng T vốn vay 395.000.000 đồng, lãi 716.963.183 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 1.111.963.183 đồng (Một tỷ, một trăm mười một triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm tám mươi ba đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc Lê Hồng T trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển đô thị T2N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 232, tờ bản đồ 35, diện tích 90 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, do Nguyễn Đình T2 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (số thửa đất thay đổi lại là 370 do đo đạc lập bản đồ địa chính, người sử dụng đất

đổi tên từ ông Nguyễn Đình T2 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển đô thị T2N).

4. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí, tạm ứng chi phí:

4.1. Nguyễn Đình T2 phải chịu 45.358.500 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Nguyễn Đình T2 chưa nộp).

4.2. Hoàn trả lại cho Lê Hồng T 21.424.000 đồng (Hai mươi một triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002559, ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.3. Nguyễn Đình T2 phải chịu 20.410.000 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) chi phí giám định (Nguyễn Đình T2 đã nộp và chi xong).

- Ngày 10/12/2021 anh T2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 64/2021/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh S1 phát biểu:

+ Trong số tiền anh T2 đã trả 456.000.000đ có khoản nợ 395.000.000đ.

+ Việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không hợp pháp do vào năm 2017 quyền sử dụng đất là tài sản của Công ty T2N nên anh T2 thế chấp là không phù hợp, không có làm thủ tục đăng ký thế chấp.

+ Bản án sơ thẩm không tính lãi cụ thể về thời hạn và mức lãi suất.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T2, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh T1 phát biểu:

+ Không có cơ sở để bị đơn cho rằng trong số tiền anh T2 đã trả 456.000.000đ có khoản nợ 395.000.000đ.

+ Ban đầu thế chấp quyền sử dụng đất là cá nhân anh T2 đứng tên và thế chấp. Anh T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để làm tin.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh T2 yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì anh T2 không có nợ của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn cho rằng: Trong quá trình làm ăn anh T2 thiếu vốn nên ngày 21-10-2010 anh T2 tự tay ký tên, viết họ tên (còn các chữ viết, chữ số viết tay khác là do anh T viết) vào giấy nhận nợ để vay của anh T số tiền 395.000.000 đồng, lãi và thời hạn không có thỏa thuận. Anh T đã giao tiền một lần đủ 395.000.000 đồng cho anh T2. Chứng cứ bên nguyên đơn đưa ra là biên nhận ngày 21-10-2010.

Bên bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên dưới dòng chữ “*người nhận tiền*” trong Giấy nhận nợ ngày 21-10-2010 là do anh T2 viết và ký tên nhưng các nội dung còn lại trong Giấy nhận nợ này anh T2 không viết. Trước đó anh T2 có viết họ tên và ký tên cho ông Lê Thanh H làm thủ tục vay Ngân hàng và nhờ ông H trả cho anh T 456.000.000 đồng. Đối với Biên bản hòa giải ngày 30-7-2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, ông Nguyễn Đình K với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của anh T2 thống nhất với nội dung là sẽ trả cho anh T số tiền 395.000.000 đồng và lãi suất là 02% là không đúng do ông K không anh T2 đã trả cho anh T 456.000.000 đồng. Như vậy anh T2 không còn nợ anh T.

Tuy nhiên bên anh T2 không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh là trong số tiền 456.000.000đ trả cho anh T có khoản nợ 395.000.000đ. Đồng thời không lý giải được tại sao trả nợ xong mà không thu hồi lại biên nhận ngày 21-10-2010. Mặt khác tại Biên bản hòa giải ngày 30-7-2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, ông K là người đại diện theo ủy quyền của anh T2 thống nhất với nội dung là sẽ trả cho anh T số nợ 395.000.000 đồng và lãi, còn việc anh T2 nại ra là do ông K không biết việc anh T2 đã trả nợ cho anh T rồi là không có cơ sở.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T là có cơ sở.

[2] Xét thấy Biên nhận ngày 21/10/2010 hai bên không có ghi lãi suất và thời hạn tính lãi. Tuy nhiên theo Biên bản hòa giải ngày 30/7/2017 ông K thống nhất trả nợ và lãi nên tính lãi cụ thể như sau:

- Từ ngày 21/10/2010 đến ngày 31/12/2016 (74 tháng 10 ngày) áp dụng theo Bộ luật dân sự năm 2005, mức lãi suất 1,125%/tháng, cụ thể:

$395.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 74 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 330.318.750đ$

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 29/11/2021 (58 tháng 28 ngày) áp dụng theo Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi suất 1,66%/tháng, cụ thể:

$395.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 58 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 386.644.433đ$

Tổng cộng lãi:  $330.318.750đ + 386.644.433đ = 716.963.183đ$  (làm tròn 716.963.000đ).

Tổng cộng vốn và lãi: 395.000.000đ + 716.963.000đ = 1.111.963.000đ.

[3] Xét thấy việc anh T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 232, tờ bản đồ 35, diện tích 90 m<sup>2</sup> của Công ty T2N là không phù hợp và các bên thừa nhận khoản nợ 395.000.000đ là quan hệ cá nhân không liên quan đến Công ty T2N. Đồng thời anh T thừa nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 232, tờ bản đồ 35, diện tích 90 m<sup>2</sup>. Cho nên buộc anh T trả lại cho Công ty T2N.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đình T2.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồng T.

- Buộc Nguyễn Đình T2 trả cho Lê Hồng T vốn vay 395.000.000 đồng, lãi 716.963.183 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 1.111.963.000 đồng (Một tỷ, một trăm mười một triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Buộc Lê Hồng T trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển đô thị T2N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 232, tờ bản đồ 35, diện tích 90 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, do Nguyễn Đình T2 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (số thửa đất thay đổi lại là 370 do đo đạc lập bản đồ địa chính, người sử dụng đất đổi tên từ ông Nguyễn Đình T2 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển đô thị T2N).

3. Án phí và chi phí:

3.1. Anh Nguyễn Đình T2 phải chịu 45.358.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đình T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 0005897, ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3.2. Trả lại cho anh Lê Hồng T 21.424.000 đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai số: 0002559, ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Anh Nguyễn Đình T2 phải chịu 20.410.000 đồng chi phí giám định (Nguyễn Đình T2 đã nộp và chi xong).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thông**